

Bản án số: 405/2016/HS - ST.
Ngày 08/11/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Năng Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Phong

Ông Ngô Tiến Dụng

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
toà: Bà Hoàng Thị Dung; chức vụ: Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 11 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 270/2016/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2016 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Mai TMHH; sinh năm ...; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ..., thành phố Hà Nội; tạm trú: Không nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông ... và bà ...; có chồng là bị cáo Phạm VTT và có ...con (*sinh các năm ...*); chưa có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2015; *có mặt.*

2. Phạm VTT; sinh năm ...; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Hà Nội; tạm trú: Không nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông ... và bà ...; có vợ là bị cáo Mai TMHH và có ... con (*sinh các năm ...*); chưa có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2015; *có mặt.*

*** Những người bị hại:**

1. Anh VVTT; sinh năm ...; địa chỉ: ... Hà Nội; *vắng mặt.*

2. Chị BTT; sinh năm ...; địa chỉ: ... Hà Nội; *có mặt.*

3. **Chị Trần TKH**; sinh năm ...; địa chỉ: ... Hà Nội; *có mặt*.
4. **Chị Phạm TTDD**; sinh năm ...; địa chỉ: ..., Hà Nội; *có mặt*.
5. **Chị Nguyễn HHH**; sinh năm ...; địa chỉ: ..., Hà Nội; *có mặt*.

NHẬN THẤY

*** Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:**

Từ ngày 26/12/2011 đến ngày 28/3/2012, anh VVTT và các bị hại khác gửi đơn cùng giấy vay nợ đến Công an quận ..., tố cáo vợ chồng Mai TMHH và Phạm VTT có hành vi vay tiền để kinh doanh nhưng không trả nợ, bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Căn cứ kết luận giám định số 7188/PC54 (GD) ngày 14/12/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội đối với chữ viết và chữ ký của Mai TMHH và Phạm VTT (*bút lục số 97 và 98; sau đây, gọi là kết luận giám định số 7188*); căn cứ kết quả xác minh về việc vợ chồng MTMH, VTT đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú từ cuối tháng 11 năm 2011 (*các bút lục từ số 66 đến số 75*); ngày 13/3/2013, cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với MTMH và VTT. Ngày 22/5/2013, cơ quan điều tra ra các quyết định truy nã và ngày 21/12/2015 (*bút lục số 33 và số 37*), MTMH và VTT bị bắt theo truy nã.

Quá trình điều tra xác định: Vợ chồng Mai TMHH, Phạm VTT là Công nhân MTMH nghỉ việc tại công ty từ năm 2005 và ...; từ năm 2008, PVTT cũng nghỉ việc tại công ty và MTMH bắt đầu kinh doanh bất động sản. Do cần vốn để kinh doanh nên MTMH đã vay tiền của nhiều người quen biết với lãi suất từ 2.000đồng đến 4.000 đồng/triệu/ngày. Các giao dịch vay tiền đều do MTMH trực tiếp thỏa thuận với người cho vay; MTMH có trao đổi với PVTT về vay tiền của người khác để kinh doanh nhưng không nói vay cụ thể vay của ai, bao nhiêu, để làm gì và sử dụng như thế nào; MTMH thường yêu cầu PVTT lái xe đưa MTMH đi giao dịch vay tiền; cũng có một số lần, MTMH thuê xe ôm hoặc yêu cầu PVTT đi nhận tiền vay để mang về cho MTMH .

MTMH sử dụng các khoản tiền vay để kinh doanh bất động sản, mua sắm các ô tô, đồ trang sức, đồ dùng cá nhân và cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn (*tín dụng đen*) để hưởng lãi suất chênh lệch. Do thua lỗ trong kinh doanh bất động sản, số tiền nợ quá lớn và MTMH đang mang thai ... nên ngày 30/11/2011, MTMH và VTT cùng bỏ trốn khỏi nơi cư trú để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Sau khi sinh con ... rồi gửi cho ông,

bà nội nuôi dưỡng, MTMH và VTT tiếp tục bỏ trốn vào ..., tỉnh Bình Phước sinh sống và bị bắt giữ ngày 21/12/2015 theo quyết định truy nã. MTMH và VTT đã vay và chiếm đoạt tài sản của nhiều người như sau:

Anh VVTT bị chiếm đoạt là 920.000.000đồng: Năm 2011, anh VVTT cho MTMH vay số tiền từ 100.000.000đồng đến 200.000.000đồng, lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày. Tháng 08 năm 2011, anh VVTT cho MTMH vay thêm 500.000.000đồng, MTMH trả tiền lãi đến hết tháng 10 năm 2011. Ngày 25/11/2011, sau khi đối chiếu và cộng dồn những khoản nợ gốc đã vay, MTMH lập Hợp đồng vay tiền (*bút lục số 202*), nội dung: *Mai TMHH vay của anh VVTT số tiền 920.000.000 đồng, hẹn ngày 07/12/2011 trả tiền.*

Đến hạn, anh VVTT đến đòi nợ thì được biết vợ chồng MTMH, VTT đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú; anh VVTT yêu cầu bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 920.000.000đồng và đề nghị xử lý MTMH, PVTT theo quy định pháp luật.

Tại kết luận giám định số 7188 đã xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai TMHH trên hợp đồng vay tiền đề ngày 25/11/2011 là chữ ký, chữ viết của Mai TMHH.

Tại cơ quan điều tra, anh VVTT còn khẳng định: Phạm VTT có tham gia cùng MTMH để vay và chiếm đoạt tiền của Toàn; *MTMH và VTT đều khai nhận:* MTMH là người trực tiếp giao dịch vay và sử dụng số tiền vay của anh VVTT mà PVTT không biết MTMH vay và sử dụng tiền như thế nào. Như vậy, ngoài lời khai của anh Toàn, không có tài liệu, chứng cứ khẳng định PVTT là đồng phạm về việc chiếm đoạt tài sản của anh Toàn.

Chị Bùi TT bị chiếm đoạt là 5.700.000.000đồng: Thông qua quan hệ xã hội, chị TT quen và biết vợ chồng MTMH kinh doanh ... nên từ năm 2009, chị TT cho MTMH vay từ 100.000.000đồng đến 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2.000đồng/triệu/ngày. Năm 2011, chị TT tiếp tục nhiều lần cho MTMH vay tiền; cụ thể:

- Ngày 10/8/2011, MTMH nhờ anh ... (*lái xe ôm; địa chỉ: , Hà Nội*), đến nhà chị TT nhận hộ cho MTMH là 600.000.000đồng. Ngày 21/9/2011, MTMH cộng dồn những khoản vay nợ gốc từ trước và lập Giấy vay tiền (*bút lục số 208*), nội dung: *Mai TMHH vay của chị TT là 4.000.000.000đồng.*

- Ngày 19/10/2011, MTMH tiếp tục vay tiền của chị TT và lập Hợp đồng vay tiền (*bút lục số 209*), nội dung: *Mai TMHH vay của chị TT số tiền là 500.000.000đồng, hạn ngày 03/11/2011 trả tiền.*

- Ngày 24/10/2011, MTMH vay tiếp của chị TT là 400.000.000 đồng và lập Hợp đồng vay tiền (*bút lục số 208*).

- Ngày 24/10/2011, MTMH nhờ PVTT đến nhà chị TT vay thêm là 400.000.000 đồng; PVTT nhận tiền và lập Giấy vay tiền (*bút lục số 213*), nội dung: *Phạm VTT vay của chị TT là 400.000.000đồng.*

- Ngày 26/10/2011, PVTT lại vay của chị TT là 100.000.000đồng và lập giấy vay tiền (*bút lục số 211*), nội dung: *Phạm VTT vay của chị TT là 100.000.000đồng.*

- Ngày 03/11/2011, PVTT tiếp tục vay của chị TT là 300.000.000 đồng và lập Giấy vay tiền (*bút lục số 212*), nội dung: *Phạm VTT vay của chị TT là 300.000.000đồng.*

Như vậy, chị TT đã cho vay tổng cộng là 5.700.000.000đồng; MTMH trực tiếp ký giấy xác nhận vay đối với 4.900.000.000đồng, PVTT trực tiếp ký giấy xác nhận vay đối với 800.000.000đồng. Cuối năm 2011, chị TT đến đòi tiền thì được biết vợ chồng MTMH, VTT đã bỏ trốn và không liên lạc được; chị TT đề nghị xử lý MTMH, PVTT theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 5.700.000.000đồng.

Tại kết luận giám định số 7188 đã xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai TMHH trên giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền đề ngày 21/9/2011, 19/10/2011 và 24/10/2011 là chữ ký, chữ viết của Mai TMHH.

Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm VTT tại giấy vay tiền đề ngày 24/10/2011, ngày 26/10/2011 và ngày 03/11/2011 là chữ ký, chữ viết của Phạm VTT.

Tại cơ quan điều tra, chị TT còn khai nhận: Vợ chồng MTMH, VTT cùng tham gia vay và chiếm đoạt 5.700.000.000đồng của chị TT; *MTMH và VTT khai nhận:* MTMH là người trực tiếp hỏi vay tiền của chị TT nhưng do bận việc nên MTMH nhờ anh ... 01 lần đến nhận tiền giúp MTMH và nhờ PVTT 03 lần đến nhà chị TT lấy tiền và ký nhận; PVTT giao toàn bộ số tiền 800.000.000đồng đã nhận của chị TT cho MTMH. Như vậy, ngoài lời khai của chị TT, không có tài liệu, chứng cứ khẳng định PVTT cùng MTMH vay và chiếm đoạt của chị TT đối với 4.900.000.000đồng (*do cá nhân MTMH ký nhận với chị TT*). Vì vậy, chỉ

đủ căn cứ kết luận PVTT đồng phạm với MTMH đối với 03 lần do PVTT trực tiếp ký nhận và chiếm đoạt của chị TT là 800.000.000đồng.

Chị Trần TKH bị chiếm đoạt là 5.500.000.000đồng: Gia đình chị HH có cửa hàng kinh doanh vàng bạc tại số 48 ... (phường ..., Hà Nội). Năm 2010, chị HH quen biết và cho MTMH vay từ 500.000.000đồng đến 1.000.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 2.000đồng/triệu/ngày và MTMH trả gốc và lãi đúng hạn. Ngày 24/4/2011, sau khi cộng dồn những khoản nợ gốc đã vay, MTMH lập Hợp đồng vay tiền (*bút lục số 176*), nội dung: *Mai TMHH vay của chị HH số tiền là 5.000.000.000đồng*. Ngày 24/5/2011, MTMH trả cho chị HH 500.000.000đồng và trực tiếp viết vào văn bản này.

Ngày 15/6/2011, MTMH tiếp tục vay chị HH là 1.000.000.000 đồng và lập Biên nhận vay tiền (*bút lục số 175*), nội dung: *Mai TMHH vay của chị HH số tiền là 1.000.000.000đồng*.

Tổng cộng, MTMH vay và nợ chị HH là 5.500.000.000đồng. Chị HH nhiều lần đòi tiền theo giấy hẹn nhưng MTMH khát nợ. Cuối năm 2011, chị HH đến tìm thì được biết vợ chồng MTMH đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và không liên lạc được; chị HH đề nghị xử lý MTMH, PVTT theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 5.500.000.000đồng.

Tại kết luận giám định số 7188 đã xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai TMHH trên Hợp đồng vay tiền, giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/5/2011 và 15/6/2011 là chữ ký, chữ viết của Mai TMHH.

Tại cơ quan điều tra, chị KHH còn khai nhận: PVTT có tham gia cùng MTMH vay và chiếm đoạt của chị KHH là 5.500.000.000đồng; *MTMH và VTT khai nhận:* MTMH là người trực tiếp giao dịch vay và sử dụng số tiền đã vay của chị KHH; PVTT không biết MTMH vay và sử dụng tiền như thế nào. Như vậy, ngoài lời khai của chị KHH, không có tài liệu, chứng cứ khẳng định PVTT đồng phạm với MTMH về việc chiếm đoạt của chị KHH là 5.500.000.000đồng.

Chị Phạm TTDD bị chiếm đoạt là 1.500.000.000đồng: Thông qua chị Trần TKH nên chị TDD quen biết vợ chồng MTMH. Ngày 30/7/2011, MTMH vay của chị TDD là 1.500.000.000đồng và lập Hợp đồng vay tiền (*bút lục số 192*), nội dung: *Mai TMHH vay của chị TDD là 1.500.000.000 đồng*.

Tại kết luận giám định số 7188 đã xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai TMHH trên Hợp đồng vay tiền đề ngày 30/7/2011 là chữ ký, chữ viết của Mai TMHH.

Ngoài ra, chị TDD còn khai nhận: Ngoài lần vay 1.500.000.000 đồng này, vợ chồng MTMH, VTT còn vay của chị TDD 02 lần với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng và chị TDD không yêu cầu MTMH viết giấy biên nhận tiền; MTMH và VTT không thừa nhận lời khai này của chị TDD và khẳng định: MTMH là người trực tiếp giao dịch vay và sử dụng số tiền đã vay của chị TDD, PVTT không biết MTMH vay và sử dụng tiền như thế nào. Như vậy, ngoài lời khai của chị TDD, không có tài liệu, chứng cứ khẳng định PVTT cùng MTMH đứng ra vay và chiếm đoạt của chị TDD là 1.500.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị TDD không yêu cầu về khoản vay không có giấy tờ chứng minh là 1.300.000.000 đồng; chị TDD chỉ yêu cầu bồi thường là 1.500.000.000 đồng, đề nghị xử lý MTMH và VTT theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn HHH bị chiếm đoạt là 1.600.000.000 đồng: Chị HHH và MTMH trước đây làm cùng Công ty ... nên quen biết nhau, MTMH đã nhiều lần vay tiền của Chị HHH với lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày và trả tiền gốc, lãi đúng hạn. Ngày 25/5/2011, Chị HHH cùng MTMH đối chiếu các khoản vay nợ gốc và MTMH đã tự viết vào sổ tay của Chị HHH (*bút lục số 225*), nội dung: *Em MTMH vay của chị HH là 1.600.000.000 đồng.*

Đến hẹn, Chị HHH tìm để đòi nợ thì biết vợ chồng MTMH, VTT đã bỏ trốn và không liên lạc được; Chị HHH đề nghị xử lý MTMH, PVTT theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường là 1.600.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 7188 đã xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai TMHH trên giấy vay tiền đề ngày 25/5/2011 là chữ ký, chữ viết của Mai TMHH.

Tại cơ quan điều tra, Chị HHH còn khai nhận: PVTT có tham gia cùng vay và chiếm đoạt tài sản của chị HHH ; *MTMH và VTT khai nhận:* MTMH là người trực tiếp giao dịch vay và sử dụng số tiền đã vay của chị HHH, PVTT không biết MTMH vay và sử dụng tiền như thế nào. Như vậy, ngoài lời khai của chị HHH, không có chứng cứ khẳng định PVTT đồng phạm với MTMH về việc chiếm đoạt 1.600.000 đồng của chị HHH.

Cơ quan điều tra đã xác minh các tài sản là nhà đất của Mai TMHH và Phạm VTT tại UBND phường ..., Văn phòng đăng ký đất đai quận ... (các bút lục từ số 250 đến số 281), xác định: Hiện nay, MTMH và VTT không còn sở hữu tài sản nhà, đất nào tại địa phương.

*** *Tại bản cáo trạng số 247a/CT – VKS – P3 ngày 16 tháng 06 năm 2016***, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Mai TMHH và Phạm VTT về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Bị cáo Mai TMHH giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra và xác nhận: Do cần vốn để kinh doanh bất động sản nên MTMH đã vay tiền của nhiều người với lãi suất theo thỏa thuận (*lãi suất tính theo ngày từ 2.000đồng đến 4.000đồng đối với 1.000.000đồng tiền vay*). MTMH đã sử dụng số tiền vay để mua bất động sản, các phương tiện là ô tô và xe máy, đồ trang sức và dùng cá nhân, cho vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch. Do nhà đất mất giá và bị thua lỗ nên MTMH đã lần lượt bán hết nhà, đất, phương tiện và các tài sản khác nhưng không đủ để trả nợ. Cuối tháng 11 năm 2011, MTMH gặp các chủ nợ và hứa hẹn là đang thủ tục vay vốn ngân hàng để trả nợ rồi ngày 30/11/2011, vợ chồng MTMH cùng bỏ trốn khỏi nơi cư trú với mục đích chiếm đoạt 15.220.000.000đồng và sinh con Sau khi sinh con ... tại ... (*ngày 20/02/2012*) và gửi con cho ông bà nội, vợ chồng MTMH trốn vào ..., tỉnh Bình Phước để sinh sống và trốn nợ. Cuối năm 2013, bị cáo đã biết về việc cơ quan điều tra truy nã nhưng với mục đích trốn nợ nên các bị cáo tiếp tục trốn tránh cho đến khi bị bắt giữ. Bị cáo xác nhận trách nhiệm bồi thường 15.220.000.000đồng đã chiếm đoạt nhưng hiện nay không còn tài sản gì để khắc phục hậu quả; bị cáo MTMH ăn năn hối cải, xin lỗi các bị hại, xin lỗi gia đình và xin được khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về nuôi con và kiếm việc làm bồi thường thiệt hại.

- Bị cáo Phạm VTT thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra và xác nhận: Theo yêu cầu của vợ nên bị cáo PVTT đã trực tiếp nhận và ký giấy vay nợ chị Bùi TT tổng cộng là 800.000.000đồng; bị cáo PVTT đã giao số tiền này cho bị cáo MTMH để kinh doanh bất động sản rồi chiếm đoạt nhưng bị cáo PVTT không hưởng lợi gì; các bị cáo PVTT và MTMH cùng bàn bạc và bỏ trốn từ ngày 30/11/2011 với mục đích chiếm đoạt số tiền đã vay. Sau khi sinh con ...,

các bị cáo tiếp tục bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của các bị hại mặc dù các bị cáo đã biết về việc bị truy nã từ cuối năm 2013; bị cáo PVTT ăn năn hối cải, xác nhận trách nhiệm bồi thường và xin được khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

- Những người bị hại là chị Bùi TTT, chị Trần TKH, chị Phạm TTDD và chị Nguyễn HHH vẫn giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra và khẳng định: Các bị hại đã cho bị cáo MTMH vay tiền để kinh doanh bất động sản và biết bị cáo MTMH dùng các khoản vay này để mua bán bất động sản; thỏa thuận lãi suất thông thường từ 1.000đồng đến 2.000 đồng/triệu/ngày; cá biệt, có trường hợp các bên thỏa thuận lãi là 4.000 đồng/triệu/ngày do các bị hại vay tiền của người khác giúp bị cáo MTMH ; cuối tháng 11 năm 2011, bị cáo MTMH tìm gặp các bị hại thông báo là đang làm thủ tục vay vốn ngân hàng để trả nợ nên các bị hại rất yên tâm; ngay sau đó, các bị cáo bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của các bị hại như nội dung cáo trạng đã nêu; các bị hại đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường tài sản đã bị chiếm đoạt; cụ thể: Chị TTT là 5.700.000.000đồng, chị KHH là 5.500.000.000đồng, chị TDD là 1.500.000.000đồng và Chị HHH là 1.600.000.000đồng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm 1 và điểm p (*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g (*phạm tội nhiều lần*) khoản 1 Điều 48 và Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai TMHH từ 15 năm đến 16 năm tù; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm p (*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm VTT từ 07 năm đến 08 năm tù; buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản và nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo Mai TMHH và Phạm VTT tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhau và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị hại và người làm chứng, phù hợp các tài liệu,

giấy tờ về việc giao nhận tiền, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án - Đủ cơ sở kết luận: Do kinh doanh bất động sản tại quận ..., thành phố Hà Nội nên năm 2011, Mai TMHH và Phạm VTT vay của 05 người bị hại với tổng số tiền là 15.220.000.000đồng theo các hợp đồng, văn bản xác nhận việc vay tiền (bao gồm: Anh VVTT là 920.000.000đồng, chị Bùi TT là 5.700.000.000đồng; chị Trần TKH là 5.500.000.000đồng, chị Phạm TTDD là 1.500.000.000 đồng và chị Nguyễn HHH là 1.600.000.000đồng). MTMH và VTT không trả tiền theo cam kết của hợp đồng, dùng thủ đoạn gian dối là hứa hẹn sẽ vay tiền ngân hàng để trả nợ rồi bỏ trốn từ ngày 30/11/2011 để chiếm đoạt là 15.220.000.000đồng nêu trên (trong đó, MTMH trực tiếp chiếm đoạt là 14.420.000đồng, MTMH và VTT cùng chiếm đoạt là 800.000.000đồng); MTMH và VTT biết bị truy nã từ năm 2013 nhưng vẫn tiếp tục bỏ trốn với mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ - chiếm đoạt số tiền đã vay. Hành vi Mai TMHH và Phạm VTT đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự; cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây mất trật tự, trị an tại nhiều địa phương quận, huyện của thành phố Hà Nội và gây nên sự bất bình trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong đồng phạm, bị cáo Mai TMHH là đối tượng chủ động và trực tiếp tham gia các giao dịch vay tiền, chủ động trong kinh doanh và chiếm đoạt toàn bộ 15.220.000.000đồng của các bị hại nên bị cáo MTMH có vai trò chủ mưu, khởi xướng, chỉ huy và phải chịu trách nhiệm cao nhất trong đồng phạm; bị cáo MTMH đã nhiều lần vay và chiếm đoạt số tiền lớn hơn năm trăm triệu đồng nên bị cáo MTMH phạm tội thuộc trường hợp “*Phạm tội nhiều lần*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; về nhân thân, bị cáo MTMH chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt; bị cáo MTMH “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*người phạm tội là phụ nữ có thai*”, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy

định tại các điểm p và l khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; ngoài ra, bố của bị cáo MTMH (*ông ...*) tham gia Cách mạng được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và các danh hiệu cao quý khác của Đảng, các cấp chính quyền và Đoàn thể trong quá trình công tác nên bị cáo MTMH được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo MTMH, đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Phạm VTT không phải là đối tượng chủ mưu, khởi xướng việc vay và chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo PVTT đã trực tiếp vay 800.000.000đồng và cùng tham gia chiếm đoạt số tiền này nên bị cáo PVTT có vai trò giúp sức trong đồng phạm, phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt tương xứng với giá trị tài sản tham gia chiếm đoạt và vai trò của bị cáo trong đồng phạm. Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo PVTT không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo PVTT chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đều theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; ngoài ra, bố vợ của bị cáo PVTT (*ông ...*) tham gia Cách mạng, được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và các danh hiệu cao quý khác của Đảng, các cấp chính quyền và Đoàn thể trong qua trình công tác nên bị cáo PVTT được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do bị cáo PVTT có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có vai trò giúp sức trong đồng phạm và không hưởng lợi nên Hội đồng xét xử ghi nhận quan điểm của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo PVTT; đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung; tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường rất lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại tài sản: Các bị cáo đã chiếm đoạt tổng cộng là 15.220.000.000đồng; trong đó, các bị cáo MTMH và VTT cùng tham gia chiếm đoạt là 800.000.000đồng của chị Bùi TTT, bị cáo MTMH trực tiếp chiếm đoạt là 14.420.000đồng (bao gồm: Anh VVTT là 920.000.000 đồng, chị Bùi TT là 4.900.000.000đồng, chị Trần TKH là 5.500.000.000 đồng, chị Phạm TTDD là 1.500.000.000 đồng và chị Nguyễn HHH là 1.600.000.000đồng). Các bị cáo đều chưa bồi thường, khắc phục hậu quả nên phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 604, 605, 606, 608 và 616 Bộ luật dân sự (trong nghĩa vụ liên đới bồi thường 800.000.000đồng cho chị TT, mỗi bị cáo phải bồi thường $\frac{1}{2}$ là 400.000.000đồng).

Về thi hành án dân sự: Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận: Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án về trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đối với bản gốc các giấy tờ, tài liệu xác nhận nợ do cơ quan điều tra thu giữ của các bị hại và đã được lưu giữ trong hồ sơ vụ án (các bút lục số 175, 176, 192, 202, từ số 208 đến số 213 và số 225), là các chứng cứ chứng minh tội phạm và giải quyết vụ án nên cần tịch thu, lưu hồ sơ vụ án theo khoản 2 Điều 76 và Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1, khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; cụ thể: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo MTMH phải nộp 122.820.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và bị cáo PVTT phải nộp 20.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về kháng cáo: Các bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Mai TMHH và Phạm VTT phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm 1 và điểm p (*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g (*phạm tội nhiều lần*) khoản 1 Điều 48 và Điều 53 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai TMHH 15 (*mười lăm*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2015.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mai TMHH

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm p (*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 53 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm VTT 08 (*tám*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2015.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm VTT.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 604, 605, 606, 608, 616 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Mai TMHH phải bồi thường 14.420.000.000đồng cho các bị hại theo danh sách sau đây:

+ Anh VVTT là 920.000.000đồng (*chín trăm hai mươi triệu đồng*);
+ Chị Bùi TT là 4.900.000.000đồng (*bốn tỷ, chín trăm triệu đồng*);
+ Chị Trần TKH là 5.500.000.000đồng (*năm tỷ, năm trăm triệu đồng*);

+ Chị Phạm TTDD là 1.500.000.000đồng (*một tỷ, năm trăm triệu đồng*);

+ Chị Nguyễn HHH là 1.600.000.000đồng (*một tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

- Buộc các bị cáo Mai TMHH và Phạm VTT phải liên đới bồi thường cho chị Bùi TT là 800.000.000đồng (*tám trăm triệu đồng*); trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường $\frac{1}{2}$ là 400.000.000đồng.

(*Như vậy, bị cáo Mai TMHH phải bồi thường cho chị Bùi TT tổng cộng là 5.300.000.000đồng; bao gồm: 4.900.000.000đồng theo trách nhiệm cá nhân và 400.000.000đồng theo trách nhiệm liên đới*).

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 76 và Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với các tài liệu đã thu giữ và đánh bút lục số 175, 176, 192, 202, từ số 208 đến số 213 và số 225 trong hồ sơ vụ án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1, khoản 3 Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Mai TMHH phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 122.820.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Buộc bị cáo Phạm VTT phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Các bị cáo Mai TMHH và Phạm VTT, chị Bùi TTT, chị Trần TKH, chị Phạm TTDD và chị Nguyễn HHH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh VVTT (*vắng mặt tại phiên tòa*) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phạm Năng Thành